TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 88/2026/DS-ST Ngày: 22-6-2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thành

2. Ông Nguyễn Trọng Vinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 104/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S). Trụ sở chính: X1-X2 NK, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D - Phó phòng kiểm soát rủi ro và Tuân thủ Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L (Văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2026).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ Z, khu phố T1, phường H, thành phố Đồng Nai.

(Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Đức D đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, căn cước công dân số 075083020432 ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Ngày 23/9/2022, Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T ký Hợp đồng tín dụng số: 202226816451, các thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng với nội dung như sau:

Số tiền vay: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay: 12 tháng; Phương thức vay: Từng lần; Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng theo dư nợ, vốn cuối kỳ; lãi suất 10,5%/năm.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho ông T theo Giấy nhận nợ số LD2427000326 ngày 26/9/2022 với số tiền 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Nguyễn Văn T đã thế chấp diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính phường H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 775334 do Sở TN tỉnh Đ(cũ) cấp cho ông Nguyễn Văn T.

Tài sản bảo đảm nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11112577/TC ngày 23/9/2022 và được đăng ký Giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ngày 11/10/2022, Ngân hàng TMCP S cấp cho ông Nguyễn Văn T thẻ tín dụng, hạn mức 90.000.000đ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2310868.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 94.244.516đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thì đến tháng 9/2024 ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Dư nợ của ông Nguyễn Văn T tạm tính đến ngày 14/5/2026 là: 680.992.330đ. Trong đó, nợ gốc 594.244.516đ; nợ lãi 86.747.814đ.

Nay, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/5/2026 là 680.992.330đ. Trong đó, nợ gốc 594.244.516đ; nợ lãi 86.747.814đ và các khoản lãi, phí phát sinh theo các thoả thuận tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi ông T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ và lãi trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo sau để thu hồi nợ:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 23 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 775334 do Sở TN tỉnh Đ(cũ) cấp cho ông Nguyễn Văn T.

- Trường hợp tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào hồ sơ Ngân hàng cung cấp thể hiện, ông T đã ký Hợp đồng tín dụng số 202226816451 (cùng các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 21/9/2023 và số 02 ngày 25/9/2024) để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 10%/năm nhằm bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; tiếp đó vào ngày 11/10/2022, ông T ký tiếp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2310868 với hạn mức 90.000.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng và nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 14/5/2026 là: 680.992.330đ (sáu trăm tám mươi triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn T tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất đã quy định tại các hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Về chi phí tố tụng và án phí: căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận và chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật pháp luật và thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T cư trú tại: Tổ Z, Khu phố T1, phường H, thành phố Đồng Nai yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ tại hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T là bị đơn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

Đối với người ủy quyền: Theo Văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2026, Ngân hàng TMCP S uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức D tham gia tố tụng nên xác định ông Duy là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Đức D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, ngày 23/9/2022 Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số 202226816451. Theo nội dung hợp đồng và các thỏa thuận bổ sung, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 500.000.000 đồng để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho ông T theo Giấy nhận nợ số LD2427000326 ngày 26/9/2022 với số tiền 500.000.000 đồng. Đồng thời, ngày 11/10/2022, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2310868 với hạn mức tín dụng 90.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc sử dụng là 94.244.516 đồng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 202226816451, ông Nguyễn Văn T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11112577/TC ngày 23/9/2022, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính phường H, thành phố Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 775334 do Sở TN tỉnh Đ(cũ) cấp đứng tên ông Nguyễn Văn T. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, do đó có hiệu lực pháp luật và là căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm khi bên vay vi phạm nghĩa vụ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân và cấp tín dụng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, từ tháng 9/2024, ông Nguyễn Văn T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi theo cam kết, vi

phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong các hợp đồng đã ký. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông T không thực hiện.

Tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn cung cấp các hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy nhận nợ, phiếu giải ngân, bảng kê tính lãi, sao kê dư nợ và các tài liệu liên quan. Các tài liệu này phù hợp với nhau, được lập đúng trình tự, hình thức theo quy định và đủ cơ sở xác định đến ngày 14/5/2026, ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 680.992.330 đồng, gồm: nợ gốc 594.244.516 đồng, nợ lãi 86.747.814 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Nguyễn Văn T làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Kết quả xác minh ngày 26/11/2025 thể hiện ông T vẫn cư trú tại địa phương nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ông T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ, phù hợp với nội dung các hợp đồng đã giao kết và quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 14/5/2026 là 680.992.330 đồng, trong đó nợ gốc 594.244.516 đồng, nợ lãi 86.747.814 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ: Đây là nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; mức lãi suất được điều chỉnh theo thỏa thuận và quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Văn T tiếp tục thanh toán khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Do ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11112577/TC ngày 23/9/2022 và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 464, tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính phường H, thành phố Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 775334 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Văn T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 4.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này, nguyên đơn đã nộp tạm ứng, do đó cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, 179, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 3 Điều 4, Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2026 là: 680.992.330đ (Sáu trăm tám mươi triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi đồng). Trong đó, nợ gốc: 594.244.516đ (Năm trăm chín mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm mười sáu đồng), nợ lãi: 86.747.814đ (Tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm mười bốn đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 15/5/2026 đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ và lãi trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 464, tờ bản đồ số 23 bản đồ địa chính phường H, thành phố Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 775334 do Sở TN tỉnh Đ(cũ) cấp cho ông Nguyễn Văn T.

Trường hợp tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã tạm ứng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 31.239.693đ (ba mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 13.897.670đ (Mười ba triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009039 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Đào

1. Về thủ tục tố tụng vè *tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:*

Về các phần khác phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần phù hợp:

Riêng đối với quan điểm của Kiếm sát viên về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 07/3/2022 Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 05/7/2022 Tòa án quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 150. Ngày 25/8/2022 Tòa án quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 96. Ngày 30/8/2022 Tòa án quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 289. Ngày 28/02/2023 Tòa án quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 36. 12/5/2023 Tòa án quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 167. Ngày 16/6/2023 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19. Ngày 10/7/2023 Tòa án quyết định hoãn phiên tòa số 374, đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27/7/2023 là kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, không đảm bảo thời hạn chuẩn bị

xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án dân sự có thời hạn là 04 tháng, đối với vụ án có tính chất phưc tạp được gia hạn 02 tháng theo quy định tại điểm a, b khoản1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Cũng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 203 thì "Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ an thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Như vậy, đối với vụ án này: Ngày 07/3/2022 Tòa án thụ lý. Ngày 25/8/2022 Tòa án quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án (Thời hạn là 5 tháng 18 ngày, tính cả thời hạn gia hạn là chưa quá 06 tháng). Ngày 30/8/2020 Tòa án quyết định tiếp tục giải quyết vụ án nên thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại từ ngày 30/8/2022. Ngày 28/02/2023 Tòa án quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án (từ ngày 30 /8/2022 đến ngày 28/02/2023 là trong hạn 06 theo quy định). Ngày 12/5/2023 Tòa án ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, đến ngày 16/6/2023 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng trong thời hạn luật định. Như vậy, Tòa án không đảm bảo thời chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.